

Số: 04/2021/QĐST-DS

*Vũ Thu, ngày 03 tháng 8 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2021/TLST- DS ngày 15 tháng 4 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự giữa:**

**Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh Thái Bình;

**Bị đơn:** Ông **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Tại đơn khởi kiện ngày 07/4/2021, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Đức T phải trả cho ông số tiền 185.000.000đ (*một trăm tám mươi lăm triệu đồng*) và 03 (ba) cây vàng loại 9999 theo Giấy vay ngày 16/6/2014

giữa ông Đ và ông T đã ký với nhau. Ông Đ không yêu cầu ông T trả lãi đối với các khoản vay.

Bị đơn là ông Nguyễn Đức T thừa nhận cá nhân ông đã vay của ông Đ số tiền 185.000.000đ (*một trăm tám mươi lăm triệu đồng*) và 03 (ba) cây vàng loại 9999 theo giấy vay ngày 16/6/2014 của ông Đ là đúng. Mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân. Tuy nhiên, giữa ông và ông Đ đã thống nhất: ông T trả cho ông Đ 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) theo giấy trả tiền đề ngày 28/7/2017 là đã trả cho khoản vay 185.000.000đ (*một trăm tám mươi lăm triệu đồng*) và 03 (ba) cây vàng loại 9999 mà ông đã vay của ông Đ. Vì vậy giữa ông với ông Đ không còn nợ nần gì nhau nữa. Ông T đề nghị Tòa án hòa giải cho ông và ông Đ, trường hợp hai bên không hòa giải được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Quan điểm của ông Đ không chấp nhận việc ông T cho rằng ông T đã trả cho ông Đ 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) theo giấy trả tiền đề ngày 28/7/2017 để thanh T cho khoản vay 185.000.000đ (*một trăm tám mươi lăm triệu đồng*) và 03 (ba) cây vàng loại 9999 mà ông T đã vay của ông, vì ông Đ chưa nhận được bất kỳ một khoản tiền nào từ ông T. Ông Đ cho rằng giấy trả tiền đề ngày 28/7/2017 mà ông T xuất trình cho Tòa án là giả mạo. Các đương sự đều đề nghị Tòa án trung cầu giám định đối với giấy trả tiền đề ngày 28/7/2017 mà ông T xuất trình.

Sau khi có Kết luận giám định tài liệu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình đối với giấy trả tiền của ông T, thì ông Đ và ông T đều nhất trí với kết luận giám định. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/7/2021, ông Đ và ông T đã thống nhất thỏa thuận:

Ông Nguyễn Đức T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) vào ngày 15/8/2021 cho khoản vay 03 (ba) cây vàng loại 9999. Số tiền 185.000.000đ (*một trăm tám mươi lăm triệu đồng*) mà ông T đã vay của ông Đ vào ngày 16/6/2014 và số tiền ông T đã trả cho ông Đ là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) vào ngày 28/7/2017, hai bên không yêu cầu hoàn trả cho nhau nữa (ông T không yêu cầu ông Đ phải trả chênh lệch 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) cho ông T). Kể từ thời điểm ông T trả xong số

tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) cho ông Đ thì việc vay nợ giữa ông Đ và ông T theo giấy vay ngày 16/6/2014 kết thúc, hai bên không còn nợ nhau khoản gì nữa.

\* Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện thanh toán xong và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

\* Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000đồng. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ 5.875.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (*đã nộp tại biên lai số 0000814 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình*).

**3.** Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC- TP.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).